

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 83

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG. Ngoài ra, số lượng thành viên đại diện của Công ty trong Hội đồng Quản trị của HNG chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

Số tham chiếu: 60752790/22005858-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập vào ngày 10 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ thuần 2.383.339.850 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 6.301.662.837 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 6.498.604.992 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 38 của báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất để sửa chữa sai sót của những năm trước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.930.375.455	4.955.089.686
110	I. Tiền	5	97.151.198	254.431.616
111	1. Tiền		97.151.198	254.431.616
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.410.638.635	2.450.744.878
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	4.075.221.471	1.551.364.334
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	109.143.346	374.650.728
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.186.477.204	2.267.368.418
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	563.738.589	467.023.910
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(2.523.941.975)	(2.209.662.512)
140	III. Hàng tồn kho	10	2.347.965.565	2.201.556.690
141	1. Hàng tồn kho		2.423.112.551	2.223.128.790
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(75.146.986)	(21.572.100)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		74.620.057	48.356.502
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	11.353.928	5.242.656
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	60.705.339	38.898.934
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	2.560.790	4.214.912
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.335.444.096	28.620.350.838
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.295.094.417	5.323.069.599
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.782.648.474	7.513.945.466
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	514.915.299	747.838.961
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(2.469.356)	(2.938.714.828)
220	II. Tài sản cố định		12.626.270.334	10.280.435.755
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.104.977.632	10.247.239.903
222	Nguyên giá		15.165.372.700	12.614.467.250
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.060.395.068)	(2.367.227.347)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	521.292.702	33.195.852
228	Nguyên giá		550.664.610	48.444.043
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.371.908)	(15.248.191)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	65.237.146	67.867.999
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(8.838.685)	(6.207.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.006.780.151	11.229.762.864
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	12.006.780.151	11.229.762.864
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	277.318.516	284.237.784
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		266.193.865	273.113.133
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		11.124.651	11.124.651
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.064.743.532	1.434.976.837
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	353.396.829	381.576.859
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	85.724.272	74.528.409
269	3. Lợi thế thương mại	18	625.622.431	978.871.569
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.265.819.551	33.575.440.524

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		27.238.024.092	21.823.683.301
310	I. Nợ ngắn hạn		15.428.980.447	8.089.793.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.474.036.885	1.014.993.762
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	633.729.744	239.268.824
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	32.844.475	32.597.878
314	4. Phải trả người lao động		175.795.782	109.501.022
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.864.427.371	202.469.752
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		409.091	60.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.475.782.291	920.339.356
320	8. Vay ngắn hạn	24	8.771.851.298	3.752.458.704
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		11.809.043.645	13.733.889.826
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	1.173.684.620	1.990.123.829
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	454.179.120	570.972.657
338	3. Vay dài hạn	24	9.330.999.170	10.945.607.569
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	844.467.369	221.472.405
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.713.366	5.713.366
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.027.795.459	11.751.757.223
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.027.795.459	11.751.757.223
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(1.440.136.262)	(424.458.674)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	282.410.699	281.668.774
421	6. Lỗ lũy kế	25.1	(6.301.662.837)	(4.766.207.329)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(5.046.001.493)	(4.882.856.972)
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(1.255.661.344)	116.649.643
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	4.949.332.245	4.122.902.838
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.265.819.551	33.575.440.524

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.189.964.886	2.091.833.174
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(13.318.930)	(16.389.150)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.176.645.956	2.075.444.024
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(2.970.915.613)	(1.847.659.651)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		205.730.343	227.784.373
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.287.363.665	2.137.143.442
22	7. Chi phí tài chính	30	(1.318.161.483)	(1.963.934.151)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.253.570.666)	(1.263.369.664)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		8.767.467	12.562.347
25	Chi phí bán hàng	31	(354.584.206)	(308.856.859)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(1.851.240.106)	(772.469.582)
30	11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.022.124.320)	(667.770.430)
31	12. Thu nhập khác	32	98.148.465	42.577.126
32	13. Chi phí khác	32	(427.484.407)	(1.380.140.330)
40	14. Lỗ khác	32	(329.335.942)	(1.337.563.204)
50	15. Lỗ kế toán trước thuế		(2.351.460.262)	(2.005.333.634)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(3.440.989)	(2.253.490)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.2	(28.438.599)	98.914.750
60	18. Lỗ sau thuế TNDN		(2.383.339.850)	(1.908.672.374)
61	19. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.255.661.344)	116.649.643
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.127.678.506)	(2.025.322.017)
70	21. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	(1.354)	126
71	22. (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	(1.354)	126


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(2.351.460.262)	(2.005.333.634)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13, 18	963.189.845	1.207.452.901
03	Dự phòng		1.614.455.830	163.493.353
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(72.723.455)	58.008.292
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.1, 28.2, 32	(1.053.097.065)	(165.792.637)
06	Chi phí lãi vay	30	1.253.570.666	1.263.369.664
07	Các điều chỉnh khác	30	16.172.109	17.989.666
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		370.107.668	539.187.605
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(821.286.302)	77.839.787
10	Tăng hàng tồn kho		(430.250.325)	(878.775.630)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		270.122.076	(1.251.702.503)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(21.743.758)	120.173.500
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.130.267.163)	(1.128.584.792)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(818.203)	(12.947.293)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2.767.027)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.764.136.007)	(2.537.576.353)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(2.335.313.765)	(4.679.597.082)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		2.653.633	1.492.108.659
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(820.994.359)	(4.183.656.108)
24	Tiền thu hồi cho vay		352.437.170	1.327.282.202
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(421.331.381)	(708.435.715)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.314.904.350	12.446.724.361
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		440.002.574	537.820.566
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(1.467.641.778)	6.232.246.883

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	24	7.805.577.396	4.568.150.621
34	Tiền thu từ đi vay	24	(4.731.080.029)	(8.346.126.254)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		3.074.497.367	(3.777.975.633)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(157.280.418)	(83.305.103)
60	Tiền đầu năm		254.431.616	337.736.719
70	Tiền cuối năm	5	97.151.198	254.431.616


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Ngày 10 tháng 4 năm 2021


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(3) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	40,29
(4) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk")	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	40,23
(5) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	40,23
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	40,29
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(9) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG. Ngoài ra, đại diện của Công ty trong Hội đồng Quản trị của HNG chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(12) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(13) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	78,22
(14) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
(15) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
(16) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(17) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00
(18) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(19) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
(20) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
(2) Công ty Cổ phần Cao Su Bidiphar	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.313 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.175).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ thuần 2.383.339.850 ngàn VND. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 6.301.662.837 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 6.498.604.992 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 24. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Ngoài ra, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, công ty con trong Tập đoàn, đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động (Thuyết minh số 39). Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)				
	Vườn cây cao su	Vườn cây chuối	Vườn cây thanh long	Vườn cây mít	Vườn cây xoài
	(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)
Năm thứ 1	2,50	10,00	1,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	10,00	3,40	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	10,00	5,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	10,00	6,70	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	Giá trị còn lại	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50		Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40			4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00			4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50			4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20			4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây cao su

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là sáu (6) năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào.

Theo đó, Tập đoàn bắt đầu kết chuyển các vườn cây đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao khi các tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác được thỏa mãn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn cây thanh long được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (vi) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí đào tạo cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí đào tạo cầu thủ được phân bổ tám (8) năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Lỗ/(lãi) trên cổ phiếu*

Lỗ/(lãi) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ/(lãi) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Mua thêm toàn bộ cổ phần được phát hành bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc (“Hoàng Anh Đắc Lắc”)*

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020 và 10 tháng 10 năm 2020, HNG đã mua thêm toàn bộ 63.000.000 cổ phần được phát hành mới từ Hoàng Anh Đắc Lắc, công ty con trong Tập đoàn với giá trị là 630.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0901/20/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 1 năm 2020. Theo đó, HNG đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Đắc Lắc từ 99,53% lên 99,96%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hoàng Anh Đắc Lắc tăng từ 43,81% lên 43,84% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ, tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Hoàng Anh Đắc Lắc mua thêm vào ngày giao dịch là 340.991.750 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh “TM” số 25.1).

4.2 *Mua Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê (“Cao su Ban Mê”)*

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 6.190.069 cổ phần, tương đương với 47,31% tỷ lệ sở hữu gián tiếp trong Cao su Ban Mê từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 444.000.000 ngàn VND. Nghiệp vụ trên được phê duyệt theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/NQ-HĐQT-HADL.20 ngày 10 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Cao su Ban Mê đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Cao su Ban Mê sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam là 683 ha. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc mua lại Cao su Ban Mê là để sở hữu phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này. Chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá tài sản thuần của Cao su Ban Mê phát sinh từ giao dịch này là 386.362.309 ngàn VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Cao su Ban Mê là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tạm tính tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Cao su Ban Mê là một công ty TNHH MTV được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6000968200, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13 tháng 2 năm 2020. Hoạt động kinh doanh chính của Cao su Ban Mê trong năm là trồng cây ăn quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Cao su Ban Mê. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này.

4.3 *Mua Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”)*

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2020, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 78,22% tỷ lệ sở hữu gián tiếp trong Khăn Xay từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 230.782.233 ngàn VND. Theo đó, Khăn Xay đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Khăn Xay sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Attapeu, Lào là 703 ha. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc mua lại Khăn Xay là để sở hữu phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này. Chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá tài sản thuần của Khăn Xay phát sinh từ giao dịch này là 103.744.158 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Mua Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”) (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua vốn góp của Khăn Xay là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp sau này. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tạm tính tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Khăn Xay là một công ty TNHH MTV được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1454/PDK, do Sở Công nghiệp và Thương mại Tỉnh Attapeu cấp ngày 14 tháng 2 năm 2017. Hoạt động kinh doanh chính của Khăn Xay trong năm là trồng cây ăn quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Khăn Xay. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này.

4.4 Chuyển đổi nợ phải thu và nợ cho vay Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“Chăn nuôi Gia Lai”) thành khoản đầu tư vào công ty này

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Chăn nuôi Gia Lai thành khoản đầu tư tương đương với 586.561.300 cổ phần hay 88,03302% tỷ lệ sở hữu trong Công ty này theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 2006/20/NQĐHCĐ-HAGL ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1009/20/NQHQQT-HAGL ngày 10 tháng 9 năm 2020. Theo đó, Chăn nuôi Gia Lai trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày mua, Chăn nuôi Gia Lai sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam là 2.499 ha.

Chăn nuôi Gia Lai là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900988952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại là chăn nuôi và trồng trọt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.4 Chuyển đổi nợ phải thu và nợ cho vay Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai") thành khoản đầu tư vào công ty này (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Chăn nuôi Gia Lai vào ngày mua được trình bày như sau:

		Ngàn VND
		Giá trị hợp lý được ghi nhận tại ngày mua
<i>Chỉ tiêu</i>		
Tài sản		
Tiền		22.163.778
Các khoản phải thu ngắn hạn		172.262.813
Hàng tồn kho		50.140.297
Các khoản phải thu dài hạn		756.981.357
Tài sản cố định hữu hình		1.195.129.417
Xây dựng cơ bản dở dang		2.688.821.583
Đầu tư vào đơn vị khác		500.000
Tài sản dài hạn khác		4.492.969
Nợ phải trả		
Các khoản phải trả ngắn và dài hạn		(1.472.343.494)
Các khoản vay ngắn và dài hạn		(765.061.989)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		(583.360.502)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý		2.069.726.229
Cổ đông không kiểm soát		(247.683.666)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh		1.822.042.563
<i>Trong đó:</i>		
- Chuyển đổi từ giá trị thuần của các khoản phải thu		1.822.042.563

4.5 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")

Trong năm, Chăn nuôi Gia Lai đã mua lại 50.000 cổ phần trong Bệnh viện HAGL từ các cổ đông hiện hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Bệnh viện HAGL tăng từ 99,00% lên 99,50%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Bệnh viện HAGL vào ngày giao dịch là 25.137 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.6 Mua toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("Hoàng Anh Quang Minh Lào") từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam")

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2020, HNG đã mua lại toàn bộ phần vốn góp trong Hoàng Anh Quang Minh Lào từ Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hoàng Anh Quang Minh Lào vào ngày giao dịch là 8.273.660 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.7 Mua thêm cổ phần trong Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2020, HNG đã mua thêm toàn bộ 292.100.000 cổ phần được phát hành mới từ Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, công ty con trong Tập đoàn với tổng giá trị là 2.921.000.000 ngàn VND. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, HNG đã mua thêm 447.000 cổ phiếu của Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam từ các cổ đông hiện hữu. Theo đó, HNG đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam từ 99,78% lên 100%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam tăng từ 42,93% lên 43,91% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam vào ngày giao dịch là 107.951.709 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.8 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("Bò Sữa Tây Nguyên") từ các cổ đông hiện hữu

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, HNG đã mua thêm 550.000 cổ phần của Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Tập đoàn từ các cổ đông không kiểm soát với giá trị là 5.500.000 ngàn VND. Theo đó, HNG đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Bò sữa Tây Nguyên từ 99,00% lên 100%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Bò Sữa Tây Nguyên tăng từ 43,47% lên 43,91% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Bò Sữa Tây Nguyên vào ngày giao dịch là 7.381.316 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.9 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam ("An Đông Mía")

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2020, HNG đã mua thêm toàn bộ 130.000.000 cổ phần được phát hành mới từ An Đông Mía, công ty con trong Tập đoàn với giá trị là 1.300.000.000 ngàn VND. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, HNG đã mua thêm 200.000 cổ phiếu của An Đông Mía được sở hữu bởi các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, HNG đã tăng tỷ lệ sở hữu trong An Đông Mía từ 99,00% lên 100% tại ngày này, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong An Đông Mía tăng từ 43,87% lên 43,91% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ, tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của An Đông Mía mua thêm vào các ngày giao dịch là 730.278.656 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.10 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong An Đông Mía và công ty con - Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Nhóm An Đông Mía")

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, HNG đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm An Đông Mía cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO", trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 24 tháng 12 năm 2020, với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.350.000.000 ngàn VND. Giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua bởi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2212/20/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 21 tháng 12 năm 2020. Theo đó, số tiền lãi 660.318.317 ngàn VND từ việc thanh lý này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (TM số 28.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.11 Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Hưng Thắng Lợi”) thanh lý một phần quyền sở hữu trong HNG

Trong năm, Hưng Thắng Lợi đã hoàn tất bán 93.144.900 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 47,41% xuống còn 40,83%.

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 644.902.180 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.12 Công ty thanh lý một phần quyền sở hữu trong HNG

Trong năm, Công ty đã bán 6.000.000 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 40,83% xuống còn 40,29%.

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 41.158.977 ngàn VND được nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.13 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	14.090.804	8.826.812
Tiền gửi ngân hàng	83.060.394	227.060.804
Tiền đang chuyển	-	18.544.000
TỔNG CỘNG	97.151.198	254.431.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	2.719.615.892	275.065.000
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải (*)	2.350.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.576.000	249.045.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	-	26.020.000
- Các khách hàng khác	193.039.892	-
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	741.883.015	777.223.573
Trong đó:		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay (**)	707.578.103	743.082.757
- Các khách hàng khác	34.304.912	34.140.816
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (***)	608.643.802	493.726.186
Phải thu khác	5.078.762	5.349.575
TỔNG CỘNG	4.075.221.471	1.551.364.334
Dự phòng phải thu khó đòi	(47.861.216)	(93.608.502)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.027.360.255	1.457.755.832
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	4.036.303.951	1.451.904.152
Phải thu các bên liên quan (TM số 34)	38.917.520	99.460.182

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Số đầu năm	93.608.502	171.335.909
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	22.912.930	33.040.143
Trừ: Giảm do mua công ty con	(65.165.581)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.494.635)	(103.377.433)
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	-	(7.390.117)
Số cuối năm	47.861.216	93.608.502

(*) Số dư này thể hiện khoản phải thu THAGRICO liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm An Đông Mía (TM số 4.10). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã nhận được tiền thanh toán đợt đầu theo tiến độ cam kết trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

(**) Khoản phải thu Chính phủ Lào thể hiện khoản xây dựng sân bay quốc tế Attapeu và sân bay quốc tế Nongkhang tại Lào. Khoản phải thu này sẽ được căn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu đầu năm (USD)	33.258.294	33.258.294
Giảm trong năm (USD)	(100.000)	-
Phải thu cuối năm (USD)	33.158.294	33.258.294
Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND)	707.578.103	743.082.757

(***) Một phần giá trị khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đồng Nai (TM số 24.1).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	94.404.315	108.160.565
Trong đó:		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	12.919.700	4.067.000
- Các nhà cung cấp khác	81.484.615	104.093.565
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	14.241.176	25.671.177
Trả trước cho người bán khác	497.855	240.818.986
TỔNG CỘNG	109.143.346	374.650.728
Dự phòng phải thu khó đòi	(24.753.411)	(2.299.803)
GIÁ TRỊ THUẦN	84.389.935	372.350.925
Trong đó:		
Trả trước các bên thứ ba	85.889.895	372.350.925
Trả trước các bên liên quan (TM số 34)	23.253.451	2.299.803

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Số đầu năm	2.299.803	51.147.579
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	24.753.411	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(48.847.776)
Trừ: Giảm do mua công ty con	(2.299.803)	-
Số cuối năm	24.753.411	2.299.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	3.781.246.179	2.052.173.055
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	405.231.025	215.195.363
	<u>4.186.477.204</u>	<u>2.267.368.418</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	1.363.307.997	7.453.259.203
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.230.477	17.305.360
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	402.110.000	43.380.903
	<u>1.782.648.474</u>	<u>7.513.945.466</u>
TỔNG CỘNG	5.969.125.678	9.781.313.884
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(2.305.282.094)	(4.181.066.564)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.663.843.584	5.600.247.320

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Số đầu năm	4.181.066.564	4.575.037.707
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.639.326.233	41.903.292
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(435.874.435)
Trừ: Giảm do mua công ty con	(3.511.390.703)	-
Trừ: Xóa sổ trong năm	(3.720.000)	-
Số cuối năm	<u>2.305.282.094</u>	<u>4.181.066.564</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	2.305.282.094	1.959.639.493
Dài hạn	-	2.221.427.071

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,50% đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc đầu năm (USD)	748.826	648.826
Tăng trong năm (USD)	-	100.000
Nợ gốc cuối năm (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối năm (Ngân VND)	17.230.477	17.305.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Ngắn hạn		
Cho các công ty mượn	340.705.172	316.503.405
Phải thu lãi cho vay	149.701.808	54.427.339
Tạm ứng cho nhân viên	56.520.295	53.757.197
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	3.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	16.811.314	39.335.969
	<u>563.738.589</u>	<u>467.023.910</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	440.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	71.044.947	735.099.245
Phải thu dài hạn khác	3.870.352	12.739.716
	<u>514.915.299</u>	<u>747.838.961</u>
TỔNG CỘNG	1.078.653.888	1.214.862.871
Dự phòng phải thu khó đòi	(148.514.610)	(871.402.471)
GIÁ TRỊ THUẦN	930.139.278	343.460.400
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34)	489.633.305	734.688.234
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	201.218.629	268.744.714
Phải thu các bên thứ ba	387.801.954	211.429.923

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Số đầu năm	871.402.471	196.943.942
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	28.590.567	674.458.529
Trừ: Giảm do mua công ty con	(600.132.788)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(151.345.640)	-
Số cuối năm	<u>148.514.610</u>	<u>871.402.471</u>
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	146.045.254	154.114.714
Dài hạn	2.469.356	717.287.757

(*) Khoản này thể hiện phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu. HĐHTKD này đang được dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu thường tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.967.180.717	1.711.671.121
Trong đó:		
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	1.078.419.250	856.080.345
- Hợp đồng xây dựng (ii)	878.282.394	855.590.776
- Chăn nuôi	10.479.073	-
Nguyên vật liệu	322.805.041	282.336.032
Thành phẩm	64.167.607	156.551.372
Hàng hóa	55.173.276	42.046.510
Công cụ, dụng cụ	9.513.608	30.523.755
Hàng đi đường	4.272.302	-
TỔNG CỘNG	2.423.112.551	2.223.128.790
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.146.986)	(21.572.100)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.347.965.565	2.201.556.690

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	21.572.100	19.951.252
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	65.003.415	20.866.468
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.428.529)	(19.245.620)
Số cuối năm	75.146.986	21.572.100

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 24).

(ii) Số tiền này chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013, với tổng giá trị nghiệm thu lần 1 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 25.584.644 USD). Theo Quyết định số 16453/GTVT ngày 12 tháng 7 tháng 2019 của Bộ Giao thông Vận tải Chính phủ Lào đã phê duyệt gia hạn Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã nhận được Thông báo số 818/NACP từ Bộ Giao thông Vận tải Chính phủ Lào, đề nghị Tập đoàn làm công văn xin gia hạn tiếp theo đến ngày 30 tháng 11 năm 2020, nhằm hoàn tất việc xây dựng dự án. Vào ngày 10 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đã nhận được Công văn của Bộ Tài chính Lào chấp thuận kế hoạch giải ngân đầu tư xây dựng dự án. Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Cục Hàng không Dân dụng (Lào) gửi công văn số 0116 đến Tập đoàn yêu cầu tiếp tục thực hiện dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình làm công văn gia hạn cho dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.211.805.251	591.798.640	2.153.540.302	6.794.049	7.591.762.569	58.766.439	12.614.467.250
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	238.700.321	7.460.842	225.080.793	-	2.080.012.720	1.095.772	2.552.350.448
Mua mới trong năm	10.488.399	91.970.062	43.418.608	204.509	-	1.540.001	147.621.579
Mua công ty con	451.332.438	123.541.070	129.755.296	57.000	849.170.835	50.000	1.553.906.639
Chênh lệch tỷ giá	(123.866.076)	(17.104.476)	(93.998.686)	(56.100)	(449.657.003)	(491.875)	(685.174.216)
Thanh lý	(1.566.175)	(13.339.498)	(19.334.848)	-	(81.707.456)	-	(115.947.977)
Thanh lý công ty con	(60.465.126)	(50.293.089)	(287.098.722)	-	(503.994.086)	-	(901.851.023)
Số cuối năm	2.726.429.032	734.033.551	2.151.362.743	6.999.458	9.485.587.579	60.960.337	15.165.372.700
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	26.546.494	72.837.672	115.695.716	3.204.506	6.689.440	18.777.391	243.751.219
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(496.053.425)	(312.063.621)	(689.178.533)	(4.698.392)	(828.947.263)	(36.286.113)	(2.367.227.347)
Khấu hao trong năm	(141.648.442)	(68.740.503)	(159.153.046)	(862.582)	(413.260.463)	(4.841.237)	(788.506.273)
Mua công ty con	(95.983.225)	(45.473.019)	(35.813.534)	(30.400)	(29.705.477)	(15.476)	(207.021.131)
Chênh lệch tỷ giá	30.640.818	6.727.016	30.306.295	9.387	55.665.527	884.955	124.233.998
Thanh lý	319.001	5.310.829	11.521.001	-	19.245.864	-	36.396.695
Thanh lý công ty con	4.849.415	33.581.843	71.731.060	-	31.566.672	-	141.728.990
Số cuối năm	(697.875.858)	(380.657.455)	(770.586.757)	(5.581.987)	(1.165.435.140)	(40.257.871)	(3.060.395.068)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.715.751.826	279.735.019	1.464.361.769	2.095.657	6.762.815.306	22.480.326	10.247.239.903
Số cuối năm	2.028.553.174	353.376.096	1.380.775.986	1.417.471	8.320.152.439	20.702.466	12.104.977.632
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)	1.272.908.858	234.570.529	1.249.178.204	-	6.712.279.920	15.034.494	9.483.972.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 20120 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	31.926.254	16.517.789	48.444.043
Mua công ty con	490.106.467	-	490.106.467
Mua mới trong năm	6.134.100	1.600.000	7.734.100
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.380.000	4.380.000
Số cuối năm	<u>528.166.821</u>	<u>22.497.789</u>	<u>550.664.610</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	295.816	295.816
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.578.918)	(13.669.273)	(15.248.191)
Hao mòn trong năm	<u>(12.212.064)</u>	<u>(1.911.653)</u>	<u>(14.123.717)</u>
Số cuối năm	<u>(13.790.982)</u>	<u>(15.580.926)</u>	<u>(29.371.908)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>30.347.336</u>	<u>2.848.516</u>	<u>33.195.852</u>
Số cuối năm	<u>514.375.839</u>	<u>6.916.863</u>	<u>521.292.702</u>
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)	411.640.488	-	411.640.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>			
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(1.891.459)	(2.630.853)
Số cuối năm	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.114.445	43.753.554	67.867.999
Số cuối năm	23.375.051	41.862.095	65.237.146
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)</i>	23.375.051	41.862.095	65.237.146

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Ngàn VND</i>		
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.884.188	3.366.332
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.853	1.239.432

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên các đánh giá hiện tại về tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	5.851.200.071	4.672.843.963
Chi phí phát triển vườn cây cao su (*)	2.479.307.092	3.168.482.172
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu (*)	1.704.361.699	2.554.744.875
Dự án chăn nuôi (**)	1.278.472.390	-
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	586.646.031	647.942.539
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	-	41.937.787
Khác	106.792.868	143.811.528
TỔNG CỘNG	12.006.780.151	11.229.762.864

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(**) Một phần tài sản của dự án chăn nuôi đã được dùng để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (TM số 24.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 424.724.454 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 421.936.078 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phát triển vườn cây cao su, cọ dầu và cây ăn quả.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	266.193.865	273.113.133
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	11.124.651	11.124.651
TỔNG CỘNG	277.318.516	284.237.784

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (*)	Trồng cây cao su	49,14	258.583.426	49,14	265.503.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.610.439	25,00	7.609.521
TỔNG CỘNG			266.193.865		273.113.133

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Ngàn VND

Giá trị

Giá gốc đầu tư

Số đầu năm và số cuối năm 267.353.911

Phản lãi/(lỗ) lũy kế sau khi đầu tư

Số đầu năm 5.759.222

Phản lãi từ công ty liên kết trong năm 8.767.467

Cổ tức trong năm (15.686.735)

Số cuối năm (1.160.046)

Giá trị còn lại

Số đầu năm 273.113.133

Số cuối năm 266.193.865

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn quả	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			11.124.651		11.124.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	8.364.959	3.132.980
Chi phí khác	2.988.969	2.109.676
	<u>11.353.928</u>	<u>5.242.656</u>
Dài hạn		
Chi phí khai hoang	249.358.743	240.352.484
Tiền thuê đất	67.758.782	69.091.972
Công cụ, dụng cụ	24.797.811	15.677.456
Chi phí thuê văn phòng	4.982.444	5.102.262
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL-JMG	-	39.802.957
Chi phí khác	6.499.049	11.549.728
	<u>353.396.829</u>	<u>381.576.859</u>
TỔNG CỘNG	<u>364.750.757</u>	<u>386.819.515</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ mua các công ty con</i>			
	<i>Bò sữa Tây Nguyên</i>	<i>An Đông Mía</i>	<i>Đại Thắng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	54.979.339	451.484.022	1.072.826.621	1.579.289.982
Thanh lý công ty con	-	(451.484.022)	-	(451.484.022)
Số cuối năm	54.979.339	-	1.072.826.621	1.127.805.960
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(25.555.273)	(211.015.482)	(363.847.658)	(600.418.413)
Hao mòn trong năm	(5.497.932)	(45.148.404)	(107.282.666)	(157.929.002)
Thanh lý công ty con	-	256.163.886	-	256.163.886
Số cuối năm	(31.053.205)	-	(471.130.324)	(502.183.529)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	29.424.066	240.468.540	708.978.963	978.871.569
Số cuối năm	23.926.134	-	601.696.297	625.622.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	1.414.093.688	991.975.634
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	292.855.814	207.569.777
- Các nhà cung cấp khác	1.121.237.874	784.405.857
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	21.919.095	2.165.247
Phải trả nhà thầu xây dựng	31.852.961	19.491.735
Phải trả người bán khác	6.171.141	1.361.146
TỔNG CỘNG	1.474.036.885	1.014.993.762
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	1.356.262.115	939.356.892
Phải trả các bên liên quan (TM số 34)	117.774.770	75.636.870

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	282.843.456	38.138.629
Công ty Cổ Phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	162.680.988	-
Các khách hàng khác	188.205.300	201.130.195
TỔNG CỘNG	633.729.744	239.268.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	38.898.934	45.182.559	(23.376.154)	60.705.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	293.370	-	-	293.370
Thuế khác	3.921.542	108.102	(1.762.224)	2.267.420
TỔNG CỘNG	43.113.846	45.290.661	(25.138.378)	63.266.129
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	19.970.633	3.440.989	(818.203)	22.593.419
Thuế thu nhập cá nhân	9.170.521	12.860.921	(12.788.767)	9.242.675
Thuế giá trị gia tăng	1.229.085	45.179.745	(45.666.907)	741.923
Thuế khác	2.227.639	14.500.419	(16.461.600)	266.458
TỔNG CỘNG	32.597.878	75.982.074	(75.735.477)	32.844.475

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	2.570.677.644	1.143.619.818
Chi phí hoạt động	160.401.645	750.567.804
Chi phí khác	133.348.082	126.282.130
	<u>2.864.427.371</u>	<u>2.020.469.752</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.173.684.620	1.990.123.829
TỔNG CỘNG	4.038.111.991	4.010.593.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	1.237.044.380	552.181.894
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	104.112.630	36.000.000
Phải trả tiền thuê đất	74.761.454	69.533.695
Phải trả các cá nhân khác	3.958.621	4.360.195
Lợi nhuận HĐHTKD (iii)	-	17.989.667
Khác	55.905.206	240.273.905
	<u>1.475.782.291</u>	<u>920.339.356</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	335.560.739	173.220.900
Phải trả tiền thuê đất	118.618.381	112.751.757
Phải trả về HĐHTKD (ii)	-	285.000.000
	<u>454.179.120</u>	<u>570.972.657</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.929.961.411</u>	<u>1.491.312.013</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn các bên thứ ba	1.455.779.809	931.188.996
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	237.823.684	275.123.017
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 34)	236.357.918	285.000.000
(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.		
(ii) Khoản này thể hiện phần vốn góp từ các cá nhân theo các HĐHTKD ký ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn quả của Tập đoàn. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12,00% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là sáu (6) tháng hoặc ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng.		
(iii) Khoản này thể hiện khoản lợi nhuận phải trả cho các cá nhân liên quan đến các HĐHTKD như đã đề cập ở (ii).		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn bên khác (TM số 24.4)	5.122.729.858	947.464.625
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.1)	1.467.713.308	897.504.879
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.3)	1.194.476.648	1.536.534.626
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 24.2)	872.245.035	120.000.000
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (TM số 24.5)	114.686.449	250.954.574
	<u>8.771.851.298</u>	<u>3.752.458.704</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 24.2)	6.726.624.401	7.044.687.161
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.3)	2.528.363.183	3.095.659.574
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 24.6)	76.011.586	-
Vay dài hạn bên khác (TM số 24.4)	-	805.260.834
	<u>9.330.999.170</u>	<u>10.945.607.569</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.102.850.468</u>	<u>14.698.066.273</u>

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	3.752.458.704	10.945.607.569	14.698.066.273
Tiền thu từ đi vay	3.493.325.133	4.312.252.263	7.805.577.396
Cần trừ công nợ	1.486.465.713	(1.159.395.894)	327.069.819
Mua công ty con	162.216.760	603.277.748	765.494.508
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	11.817.678	11.817.678
Vay dài hạn đến hạn trả	4.789.512.767	(4.789.512.767)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(7.635.411)	(7.635.411)
Chênh lệch tỷ giá	(19.523.236)	(53.917.805)	(73.441.041)
Giảm do thanh lý công ty con	(249.718.811)	(443.299.914)	(693.018.725)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.642.885.732)	(88.194.297)	(4.731.080.029)
Số cuối năm	<u>8.771.851.298</u>	<u>9.330.999.170</u>	<u>18.102.850.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 6, 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai				
Khoản vay ngày 25 tháng 6 năm 2020 (*)	600.951.992	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	10,00	203.780.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Toàn bộ quyền đòi nợ/nguồn thu trong tương lai phát sinh trong tương lai từ các hợp đồng bán hàng với giá trị không thấp hơn 1.000 tỷ VND; Toàn bộ vốn góp của HNG trong An Đông Mia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	599.797.785	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021	Lãi suất thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 3,20 (2020: 10,50)	Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 925 ha thuộc sở hữu Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia); 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 453,7 ha đất trồng trái cây thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 1 tháng 7 năm 2020	203.232.453	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2021	8,40 - 9,10	16.484.079 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 76.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Campuchia				
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2020	60.200.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 3 năm 2021	8,50	Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 1.752,5 ha đất tô nhượng kinh tế thuộc dự án của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 17 tháng 4 năm 2020	3.531.078	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2021 đến ngày 29 tháng 5 năm 2021	8,80	Máy móc thiết bị, 3 xe ô tô biển số 81A-015.78; 81B-004.56; 81B-002.48 của Bệnh viện HAGL và công trình Bệnh viện HAGL.
TỔNG CỘNG	1.467.713.308			

(*) Như được trình bày tại TM số 4.10, vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm An Đông Mia cho THAGRICO. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn và THAGRICO đang trong quá trình làm hồ sơ chuyển đổi tài sản thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

		Ngàn VND
Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	350.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS")	200.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	120.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(57.130.564)	(61.312.839)
TỔNG CỘNG	7.598.869.436	7.164.687.161
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	6.726.624.401	7.044.687.161
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	872.245.035	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2020: 9,50 - 9,80)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su); 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.
Chi phí phát hành trái phiếu		(45.868.883)				
TỔNG CỘNG		5.830.131.117				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		5.512.629.084				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		317.502.033				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.485,74 ha, thấp hơn so với cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha. Cũng tại ngày này, Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải nộp đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với tổng giá trị là 1.150.310.989 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
HDBS	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*)	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng chi phí vốn VND mười hai (12) tháng của HD Bank cộng với biên độ 3,50 (2020: 12,57)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2020: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(5.787.788)				
TỔNG CỘNG		1.224.212.212				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		915.984.156				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		308.228.056				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại HNG là 40,29% thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

Ngoài ra, vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty Cổ phần BCG Land Gateway đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu 3.000.000 trái phiếu của công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai cho Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên theo Hợp đồng số 2610/HAGLBOND/BCGLGATEWAY-DVNNTN ngày 26 tháng 10 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 10, 11, 12, 13 và 14)
TPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	350.000.000	Lãi suất điều chỉnh sáu (6) tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm (12) tháng của TP Bank cộng với biên độ 3,50 (2020: 10,00)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tập đoàn	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây lâu năm (cây ăn quả) cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ việc khai thác vườn cây lâu năm (cây ăn quả) thuộc sở hữu của Chăn Nuôi Gia Lai nằm trên thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BY 440741 cấp ngày 10/11/2015; với diện tích 1.642.000 m2; 64.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền tài sản gồm tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng hợp tác Số 0809/2020/HTDTKD/HTLGL-LEME giữa Hưng Thắng Lợi và Công ty Cổ phần Lê Me ngày 8 tháng 9 năm 2020 (TM số 9).
TPS	Cá nhân	200.000.000	9,50	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tập đoàn	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và quyền khai thác vườn cây ăn quả với tổng diện tích 498,28 ha tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prong, tại Xã Ia Pếch, Huyện Ia Grai và tại Làng A, Xã Gào, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên.
Chi phí phát hành trái phiếu		(5.473.893)				
TỔNG CỘNG		544.526.107				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		298.011.161				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		246.514.946				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.231.637.137	2.126.870.427
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	1.025.470.346	822.882.260
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("EXIM")	711.277.743	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	512.454.605	553.088.595
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	242.000.000	100.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	-	1.029.352.918
TỔNG CỘNG	3.722.839.831	4.632.194.200
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	2.528.363.183	3.095.659.574
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.194.476.648	1.536.534.626

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1	722.805.307	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70 (2020: 7,20 - 8,50)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>				
Khoản vay 2 (*)	508.831.830	Từ ngày 24 tháng 3 năm 2022 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00 (2020: 5,90 - 6,70)	119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 6 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit HAGL tại Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m ² ; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
TỔNG CỘNG	1.231.637.137			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.120.957.598</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>110.679.539</i>			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế là 13.714 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 17.950 ha. Bên cạnh đó, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế là 1.449,2 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay 1 (i)	289.337.282	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập về thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay 2 (ii)	245.128.190	Từ ngày 25 tháng 03 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.

(i) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ số bò, theo đó, Tập đoàn không đảm bảo đủ số lượng bò nhập 14.219 con theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này. Ngoài ra, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với số tiền là 107.808.237 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.

(ii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế là 1.449,2 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 3 (i)	169.173.724	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất với tổng diện tích 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; Giá trị toàn bộ tài sản trên đất là vườn cây cao su diện tích 420,91 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh.
Khoản vay 4 (ii)	59.930.150	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2019 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay 5	261.901.000	Ngày 22 tháng 10 năm 2021	8,50	02 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào; Trụ sở làm việc tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu, khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

TỔNG CỘNG **1.025.470.346**

Trong đó:

Vay dài hạn	347.437.656
Vay dài hạn đến hạn trả	678.032.690

- (i) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 59.507.939 ngàn VND theo lịch thanh toán trên.
- (ii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 59.930.150 ngàn VND theo lịch thanh toán trên. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 33.712.610 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("EXIM")</i>				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.467	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 1.091,1 ha (9 bìa đồ) thuộc sở hữu của Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, đàn bò giống và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	297.437.276	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 1.091,1 ha (9 bìa đồ) thuộc sở hữu của Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, đàn bò giống và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	711.277.743			
Trong đó:				
Vay dài hạn	458.299.991			
Vay dài hạn đến hạn trả	252.977.752			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ số bò, theo đó, Tập đoàn không đảm bảo số lượng bò theo quy định định của Hợp đồng tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm 13 tháng của Sacombank trả sau cộng biên độ 2,00 được điều chỉnh 3 tháng/lần (2020: 9,80 - 9,90)	23,2 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; 14,5 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của HNG.
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức (**)	250.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026	9,80	Quyền sử dụng và khai thác trên tổng diện tích 1.365,2 ha cao su tại xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê.
TỔNG CỘNG	512.454.605			
Trong đó:				
Vay dài hạn	457.667.938			
Vay dài hạn đến hạn trả	54.786.667			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng thực tế của Tập đoàn là 2.429 ha, thấp hơn trong hợp đồng tín dụng là 9.000 ha.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)</i>
TPBank - Chi nhánh Hà Nội	192.000.000	Từ 22 tháng 10 năm 2021 đến 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 3,50 (2020: 10,00)	Tín chấp
TPBank - Hội sở	50.000.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2021 đến 23 tháng 11 năm 2021	10,90 - 11,40	Chứng khoán cùng lợi tức, cổ tức và các quyền và lợi ích phát sinh từ 15.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	<u>242.000.000</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>144.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>98.000.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay ngắn hạn bên khác

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Trường Hải	<u>5.122.729.858</u>	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 11 năm 2021	7,00 - 10,50	Tín chấp

24.5 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông Nghiệp Khamkauong	49.634.309	Ngày 1 tháng 1 năm 2021	9,00 - 10,00	Tín chấp
Ông Dương Thành Trung (i)	43.900.451	Ngày 8 tháng 9 năm 2020	13,00	7.700.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	11.909.241	Ngày 1 tháng 4 năm 2021	12,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (ii)	9.242.448	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	14,75	3.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	<u>114.686.449</u>			

24.6 Vay dài hạn công ty khác

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH Điện Nậm Kông III	<u>76.011.586</u>	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	8,00	Tín chấp

(i) Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

(ii) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm							
(Trình bày lại - Thuyết minh số 38)	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	485.237.344	280.644.763	(4.993.613.469)	8.310.120.252
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	116.649.643	116.649.643
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(909.696.018)	-	-	(909.696.018)
Thù lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(2.797.000)	(2.797.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	1.024.011	(1.024.011)	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	114.577.508	114.577.508
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	(4.766.207.329)	7.628.854.385
(Trình bày lại - Thuyết minh số 38)							
Năm nay							
Số đầu năm							
(Trình bày lại - Thuyết minh số 38)	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	(4.766.207.329)	7.628.854.385
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(1.255.661.344)	(1.255.661.344)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.067.799.291)	-	-	(1.067.799.291)
Thù lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(483.512)	(483.512)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	741.925	(741.925)	-
Phân chia lợi nhuận của công ty con	-	-	-	-	-	(2.228.668)	(2.228.668)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(276.340.059)	(276.340.059)
Thanh lý công ty con	-	-	-	52.121.703	-	-	52.121.703
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	4.122.902.838	3.543.587.941
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	1.566.478.912	2.875.304.500
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(1.127.678.506)	(2.025.322.017)
Mua các công ty con	283.185.640	-
Thanh lý công ty con	107.301.119	(264.516.161)
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(6.151.425)
Khác	(2.857.758)	-
Số cuối năm	<u>4.949.332.245</u>	<u>4.122.902.838</u>

27. (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ)/lãi cơ bản và (lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
(Lỗ)/lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	(1.255.661.344)	116.649.643
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu (VND)		
- (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.354)	126
- (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.354)	126

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	3.189.964.886	2.091.833.174
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.290.134.596	1.290.876.230
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	405.779.249	234.260.834
Doanh thu bán mủ cao su	265.494.259	341.922.012
Doanh thu bán heo	121.162.500	-
Doanh thu bán hàng hóa	107.178.304	182.952.487
Danh thu bán ốt	-	38.704.084
Danh thu bán tiêu	-	873.119
Doanh thu khác	215.978	2.244.408
Khoản giảm trừ	(13.318.930)	(16.389.150)
Hàng bán trả lại	-	(16.389.150)
Giảm giá hàng bán	(13.318.930)	-
Doanh thu thuần	3.176.645.956	2.075.444.024
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.283.093.783	1.275.351.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	466.392.018	234.260.834
Doanh thu bán mủ cao su	265.494.259	341.922.012
Doanh thu bán heo	121.162.500	-
Doanh thu bán hàng hóa	40.112.617	182.087.967
Danh thu bán ốt	-	38.704.084
Danh thu bán tiêu	-	873.119
Doanh thu khác	390.779	2.244.408
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	3.085.163.910	2.052.206.255
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 34)	91.482.046	23.237.769

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4.10)	660.318.317	1.325.083.129
Lãi tiền cho vay	567.798.415	779.225.691
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	58.063.704	31.346.981
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.162.595	1.407.362
Khác	20.634	80.279
TỔNG CỘNG	1.287.363.665	2.137.143.442
Trong đó:		
Doanh thu với các bên thứ ba	732.975.123	1.582.754.900
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 34)	554.388.542	554.388.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Giá vốn bán trái cây	2.019.560.189	1.005.948.511
Giá vốn dịch vụ	392.254.542	202.192.049
Giá vốn mủ cao su	376.531.186	451.431.843
Giá vốn heo	114.349.447	-
Giá vốn hàng hóa	61.541.937	140.117.345
Giá vốn bán ớt	-	43.130.128
Giá vốn bán tiêu	-	771.286
Giá vốn khác	6.678.312	4.068.489
TỔNG CỘNG	2.970.915.613	1.847.659.651

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	1.253.570.666	1.263.369.664
Lỗ thanh lý đầu tư	-	597.592.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	189.644.953	94.509.128
Chi phí lãi HĐHTKD	16.172.109	-
Hoàn nhập các chi phí tài chính khác	(155.818.739)	-
Khác	14.592.494	8.462.909
TỔNG CỘNG	1.318.161.483	1.963.934.151

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.042.538	288.324.842
Chi phí lương nhân viên	11.239.055	15.493.345
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.853.664	2.412.294
Chi phí khác	6.448.949	2.626.378
	354.584.206	308.856.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dự phòng	1.425.324.428	175.446.185
Phân bổ lợi thế thương mại	157.929.000	315.937.136
Chi phí lương nhân viên	144.305.575	152.029.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.381.182	72.024.456
Chi phí khấu hao	17.983.621	30.758.900
Chi phí khác	59.316.300	26.273.693
	1.851.240.106	772.469.582
TỔNG CỘNG	2.205.824.312	1.081.326.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác		
Hoàn nhập các khoản trích trước	26.924.870	-
Lãi thanh lý tài sản	-	593.673
Thu nhập khác	71.223.595	41.983.453
	<u>98.148.465</u>	<u>42.577.126</u>
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản	184.949.729	42.915.974
Chi phí xóa sổ TSCĐ	63.464.100	209.177.686
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	62.455.980	44.549.697
Chi phí chuyển đổi vườn cây	56.168.520	1.121.090.800
Các khoản phạt	30.101.552	30.834.638
Chi phí hỗ trợ HĐHTKD	-	185.750.000
Hoàn nhập Nghị định 20 (*)	-	(335.292.885)
Các khoản khác	30.344.526	81.114.420
	<u>427.484.407</u>	<u>1.380.140.330</u>
LỖ KHÁC	<u>(329.335.942)</u>	<u>(1.337.563.204)</u>

- (*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí khác từ việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong các năm trước, do Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("Nghị Định 20") mới được ban hành và Tập đoàn cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã tạm trích dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị Định 20 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã trích lập trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2019: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.440.989	2.253.490
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	28.438.599	(98.914.750)
TỔNG CỘNG	31.879.588	(96.661.260)

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập (lỗ) chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(2.351.460.262)	(2.005.333.634)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)</i>		
Điều chỉnh tăng:		
Các khoản lỗ từ các công ty con	1.733.734.243	4.096.620.067
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	207.626.658	315.937.136
Mức trần chi phí lãi vay (*)	279.551.379	(245.284.501)
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	129.860.293	82.805.391
Lỗ/(lợi nhuận) chưa thực hiện trên hợp nhất	10.040.074	(120.353.558)
Lãi từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	(476.321.574)	(2.805.287.927)
Cần trừ lỗ năm trước	(224.242.016)	(23.903.208)
(Dự phòng)/hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(171.828.441)	483.220.642
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(134.603.088)	(32.681.914)
Lãi từ các công ty liên kết	(8.767.467)	(12.562.347)
Các khoản chi phí không được trừ và các khoản khác	1.022.357.603	283.888.316
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	15.947.402	17.064.463
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	3.439.878	4.300.785
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.111	440.861
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(2.488.156)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	3.440.989	2.253.490
Thuế TNDN phải trả đầu năm	19.677.263	29.128.714
Phân loại lại	-	1.242.352
Thuế TNDN đã trả trong năm (TM số 21)	(818.203)	(12.947.293)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	22.300.049	19.677.263
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	22.593.419	19.970.633
Thuế TNDN trả trước (TM số 21)	(293.370)	(293.370)

- (*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
			Năm nay	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	85.724.272	74.528.409	11.195.863	(24.070.711)
	85.724.272	74.528.409	11.195.863	(24.070.711)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	583.360.502	-	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	141.070.733	110.260.843	30.809.890	72.726.939
Chi phí lãi vay vốn hóa ở khía cạnh hợp nhất	120.036.134	111.211.562	8.824.572	(92.504.218)
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	(103.208.182)
	844.467.369	221.472.405	39.634.462	(122.985.461)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại			28.438.599	(98.914.750)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD	440.000.000	-
		Cho vay	371.578.296	3.018.362.659
		Lãi cho vay	295.408.780	258.230.035
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Lãi cho vay	236.687.093	439.112.672
		Mua hàng hóa và dịch vụ	110.260.319	10.110.766
		Cho vay và mượn	100.993.684	1.018.678.321
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	85.720.587	23.237.769
		Cấn trừ công nợ	-	4.280.831
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	22.295.903	-
		Lãi cho vay	22.292.669	22.231.760
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.078.511	-
		Cho vay	-	102.909.929
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn	7.005.607	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	6.511.106	-
		Mượn tiền	-	1.157.156.964
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	5.538.779	-
		Mua tài sản	562.255	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	5.182.241	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	4.122.224	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.682.948	-
		Cho vay	3.000.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	2.403.208	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	404.387	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	12.846.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	11.504.781
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bào Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	3.652.777
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	3.384.688

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</i>				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.444.663	1.820
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	375.199	903.523
		Bán tài sản cố định	-	291.600
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Bán hàng hóa	-	65.165.581
			38.917.520	99.460.182

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)

Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	23.253.451	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.299.803
			23.253.451	2.299.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	11,50	3.644.498.048	857.847.971	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00	86.936.725	86.936.725	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	-	30.000.000	-	
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	-	15.000.000	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,00	3.000.000	-	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	1.811.406	16.742.127	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	9,75 - 10,00	-	1.068.890.232	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	-	20.120.000	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-	1.636.000	
			3.781.246.179	2.052.173.055	
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	11,50	840.307.997	3.225.489.778	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	4,80	253.800.000	-	
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	4,80	126.900.000	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00	100.000.000	100.000.000	
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	4,80	42.300.000	-	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	4,80 - 12,00	-	4.127.769.425	
			1.363.307.997	7.453.259.203	

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	112.367.032	10.355.825
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Tạm ứng	65.490.397 26.120	65.612.445 23.261
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Khác	22.873.208 -	12.780.538 2.192.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	460.590	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	Khác	1.282	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Cho mượn Lãi cho vay Chi hộ	- - -	91.684.294 19.711.031 2.630.603
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	-	62.154.717
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Tạm ứng	-	1.600.000
			201.218.629	268.744.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	HĐHTKD	440.000.000		-
		Lãi cho vay	7.160.868	230.927.298	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	29.854.077	17.654.076	
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.903.800		-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.026.480		-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Lãi cho vay	688.080		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng năm 2020)	Lãi cho vay	-	486.106.860	
			489.633.305	734.688.234	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)					
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	116.694.539	42.354.776	
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	660.748		-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	404.483	888.145	
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.000		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng năm 2020)	Mua hàng hóa	-	32.122.589	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	271.360	
			117.774.770	75.636.870	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	100.000.000	-
		Mượn tiền	70.000.000	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	9.966.667
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	37.481.217	11.685.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	24.197.190	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	594.335	7.422.950
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD	4.112.630	36.000.000
		Mượn tiền	1.000.000	1.000.000
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.488.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Mượn tiền	150.000	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	HĐHTKD	-	185.750.000
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tiền	-	15.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Chi phí lãi HĐHTKD	-	6.535.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Khác	15.612	275.400
			237.823.684	275.123.017
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Mượn tiền	236.357.918	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	180.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	HĐHTKD	-	105.000.000
			236.357.918	285.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.482.728	2.478.528
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.077.893	2.071.428
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.326.582	1.295.777
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.308.936	1.367.756
Các cá nhân khác		1.304.400	1.358.400
TỔNG CỘNG		8.500.539	8.571.889

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	1.167.524	1.167.524
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	141.818	141.818
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	109.091	109.091
Các cá nhân khác		130.909	109.091
TỔNG CỘNG		1.549.342	1.527.524

(*) Bao gồm tiền lương và các khoản thù lao khác.

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Số cuối năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	27.564.339	30.607.046
Từ 1 đến 5 năm	110.323.976	122.428.185
Trên 5 năm	949.434.540	1.077.301.090
TỔNG CỘNG	1.087.322.855	1.230.336.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu và Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang, thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang cầm cố 4.999.000 cổ phiếu của Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, công ty con, để đảm bảo cho khoản vay của THAGRICO tại Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn.

Theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Tập đoàn Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Tập đoàn Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Tập đoàn Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Tập đoàn Mía đường;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Tập đoàn Mía đường;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Tập đoàn Mía đường; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Tập đoàn Mía đường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	2.464.351.274	283.699.896
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	64.372.090	205.947.548
- Đô la Mỹ (USD)	1.749.612	253.953
- Đồng Euro (EUR)	401	-
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai Kontum	3.720.000	-

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, cây ăn quả, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngân VND

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	416.348.801	1.659.095.223	-	2.075.444.024
Giữa các bộ phận	826.856.537	1.200.723.195	(2.027.579.732)	-
Tổng cộng	1.243.205.338	2.859.818.418	(2.027.579.732)	2.075.444.024
Kết quả của bộ phận	74.039.407	153.744.966	-	227.784.373
Chi phí không phân bổ				(2.418.889.645)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(2.191.105.272)
Thu nhập tài chính				2.137.143.442
Chi phí tài chính				(1.963.934.151)
Lãi từ công ty liên kết				12.562.347
Lỗ trước thuế				(2.005.333.634)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(2.253.490)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				98.914.750
Lỗ sau thuế trong năm				(1.908.672.374)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	2.861.038.611	30.186.857.164	-	33.047.895.775
Tiền của Tập đoàn				254.431.616
Đầu tư vào công ty liên kết				273.113.133
Tổng tài sản				33.575.440.524
Nợ phải trả của bộ phận	(5.681.185.092)	(16.142.498.209)	-	(21.823.683.301)
Tổng nợ phải trả				(21.823.683.301)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngân VND		
	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
<i>Doanh thu</i>			
Từ khách hàng bên ngoài	506.531.911	2.670.114.045	-
Giữa các bộ phận	956.758.129	1.048.786.431	(2.005.544.560)
Tổng cộng	1.463.290.040	3.718.900.476	(2.005.544.560)
Kết quả của bộ phận	52.702.423	153.027.920	-
Chi phí không phân bổ			205.730.343
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính			(2.329.429.911)
Thu nhập tài chính			1.287.363.665
Chi phí tài chính			(1.318.161.483)
Lãi từ công ty liên kết			8.767.467
Lỗ trước thuế			(2.351.460.262)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(3.440.989)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(28.438.599)
Lỗ sau thuế TNDN trong năm			(2.383.339.850)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	3.018.565.742	33.883.908.746	-
Tiền			97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết			266.193.865
Tổng tài sản			37.265.819.551
Nợ phải trả của bộ phận	(1.938.204.272)	(24.455.352.451)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(141.070.733)	(703.396.636)	(844.467.369)
Tổng nợ phải trả			(27.238.024.092)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.518.326.391	71.615.455	72.494.906	413.007.272	2.075.444.024
Chi phí hình thành tài sản cố định	210.274.272	1.285.463.805	679.912.947	-	2.175.651.024
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	10.671.434.858	14.367.983.753	8.008.477.164	-	33.047.895.775
Tiền					254.431.616
Đầu tư vào công ty liên kết					273.113.133
Tổng tài sản					33.575.440.524
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.208.058.651	231.786.705	48.975.262	687.825.338	3.176.645.956
Chi phí hình thành tài sản cố định	166.860.532	690.716.762	914.742.077	-	1.772.319.371
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.349.124.058	13.401.401.402	7.151.949.028	-	36.902.474.488
Tiền					97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết					266.193.865
Tổng tài sản					37.265.819.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2020, do các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như của các đối tác nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thực hiện rà soát lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày từ các năm tài chính trước đây. Theo đó, căn cứ vào các khoản lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác và các khó khăn nói chung trong ngành nông nghiệp đã phát sinh từ những năm trước, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét lại cơ cấu tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu tồn đọng và thu thập thêm các thông tin quá khứ về khả năng thanh toán của các đối tác mà trước đây chưa thể thu thập được do các giới hạn về thời gian và nguồn nhân lực. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ước tính khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tồn đọng lâu ngày tại thời điểm lập báo cáo tài chính các năm trước chưa phản ánh đầy đủ rủi ro tổn thất của các khoản phải thu này. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm 2020 liên quan đến dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi lớn trong quá khứ với chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(91.077.172)	(2.118.585.340)	(2.209.662.512)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(253.603)	(2.938.461.225)	(2.938.714.828)
Lỗi lũy kế	290.839.236	(5.057.046.565)	(4.766.207.329)
Trong đó:			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗi lũy kế) đến cuối năm trước	74.321.521	(4.957.178.493)	(4.882.856.972)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	216.517.715	(99.868.072)	116.649.643
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm trước (trình bày lại)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí quản lý doanh nghiệp	(672.601.510)	(99.868.072)	(772.469.582)
Lỗi kế toán trước thuế	(1.905.465.562)	(99.868.072)	(2.005.333.634)
Lỗi sau thuế TNDN	(1.808.804.302)	(99.868.072)	(1.908.672.374)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	216.517.715	(99.868.072)	116.649.643
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm trước (trình bày lại)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Lỗi kế toán trước thuế	(1.905.465.562)	(99.868.072)	(2.005.333.634)
Dự phòng	63.625.281	99.868.072	163.493.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã thông qua Nghị quyết số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc chuyển nhượng thêm các công ty con của Tập đoàn bao gồm Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, Bò sữa Tây Nguyên và Hoàng Anh Đắk Lắk cho THAGRICO. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với THAGRICO, và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để hoàn tất việc chuyển nhượng nói trên.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, HNG đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua Nghị Quyết Số 0801/21/NQHĐCĐ-HAGL Agrico về việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO") để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động của HNG. Vốn cổ phần của HNG theo đó sẽ tăng từ 11.085.538.950 ngàn VND lên thành 18.500.000.000 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của THAGRICO trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 47.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 36,55%.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 75.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 36,55% xuống còn 29,78%.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, Công ty đã đăng ký việc chuyển nhượng 80.000.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 29,78% xuống còn 22,57%.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi ("Hưng Thắng Lợi"), công ty con của Công ty, từ cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi sẽ tăng từ 78,22% lên 82,67%.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021